TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH
Bản án số: 22/2021/ HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2021;
V/v: "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đôc lập - Tư do - Hanh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quốc Phòng và bà Nguyễn Thị Hải;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 36/2021/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2021; về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Thôn 10, xã L, huyện B, tỉnh Q. Có mặt.
-Bị đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Thôn 10, xã L, huyện B, tỉnh Q. Vắng mặt.
Đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q, số 31/2014, quyển số 01/2014, ngày 09/7/2014.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày: Chị S và anh H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q vào ngày 09 tháng 7 năm 2014; sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn do anh H hay uống rượu, không kiểm soát được bản thân. Mặc dù chị S đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H vẫn không thay đổi. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, nên chị S xin ly hôn anh H. Hai vợ chồng có hai con chung là Dương Bảo C, sinh ngày 17/02/2015; Dương Quỳnh A, sinh ngày 06/12/2016. Sau ly hôn chị S xin được nuôi hai con; yêu cầu anh H đóng góp phí tổn nuôi hai con mỗi tháng 1.000.000 đồng.Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn H trình bày: Anh H và chị S kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q vào ngày 09/7/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn do anh

H hay uống rượu. Nay chị S xin ly hôn anh H không nhất trí, anh H mong muốn đoàn tụ, anh H hứa sẽ sữa chữa. Về con chung, đúng như trình bày của chị S. Nếu ly hôn anh H nhất trí giao hai con cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H sẽ đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng cả hai con là 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa chị S và anh H là tranh chấp ly hôn và nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q vào ngày 09 tháng 7năm 2014; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, anh H hay uống rượu không làm chủ được bản thân; tình cảm không thể hàn gắn được.Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Lê Thị S được ly hôn anh Dương Văn H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Hai vợ chồng có hai con chung là Dương Bảo C, sinh ngày 17/02/2015; Dương Quỳnh A, sinh ngày 06/12/2016. Sau ly hôn chị S xin được nuôi hai con; yêu cầu anh H đóng góp phí tổn nuôi hai con mỗi tháng 1.000.000 đồng; nếu ly hôn anh H nhất trí giao hai con cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh H chấp nhận đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Do vậy giao hai con cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H đóng góp phí tổn nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế và ý kiến chấp nhận của anh H.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị S chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh H chịu án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

[6] Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, chị Lê Thị S được ly hôn anh Dương Văn H.

2. Về con chung: Giao hai con Dương Bảo C, sinh ngày 17/02/2015 và Dương Quỳnh A, sinh ngày 06/12/2016 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H phải đóng góp phí tổn nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi hai con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) tính từ tháng 7/2021.

Cấm chị S ngăn cản anh H quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con khi có một trong các căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

3.Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị S chịu nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng đươc tính trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp tại Biên lai số 0000595, ngày 18/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, chị S đã nộp đủ án phí. Anh Dương Văn H chịu nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/8/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Tòa án ND tỉnh Quảng Bình;
-VKS huyện Bố Trạch(2)
-Chi cục THA DS huyện Bố Trạch;
-Chị Lê Thị S;
-Anh Dương Văn H;
-UBND xã T (Để biết);
-Lưu hồ sơ, vpTòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân